

Bản án số: 583/2020/DS-PT

Ngày 30 – 10 – 2020

V/v “tranh chấp thừa kế; yêu cầu hủy  
hợp đồng tặng cho QSD đất; yêu cầu  
hủy giấy chứng nhận QSD đất; tranh  
chấp hợp đồng vay”.

**NHÂN DANH**

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Phạm Thị Duyên

*Các Thẩm phán:* Bà Nguyễn Thị Thụy Vũ

Ông Nguyễn Đức Minh

**- Thư ký phiên tòa:** Bà Võ Thị Phương Thu – Thư ký Tòa án nhân dân cấp  
cao tại Thành phố Hồ Chí Minh.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh:**  
Ông Nguyễn Văn Phụng – Kiểm sát viên tham gia phiên tòa.

Ngày 30 tháng 10 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành  
phố Hồ Chí Minh mở phiên tòa xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý  
số: 323/2020/TLPT-DS ngày 28 tháng 5 năm 2020 về việc “tranh chấp thừa kế;  
yêu cầu hủy hợp đồng tặng cho QSD đất; yêu cầu hủy giấy chứng nhận QSD  
đất; tranh chấp hợp đồng vay”.

Do bản án dân sự sơ thẩm số: 55/2018/DS-ST ngày 22 tháng 10 năm 2018  
của Tòa án nhân dân tỉnh Long An bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 1108/2020/QĐ-PT  
ngày 24 tháng 6 năm 2020 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ông Lê Văn X, sinh năm 1944, có mặt.

Địa chỉ: Số 238/1, ấp BC 1, xã BT, huyện TT, tỉnh Long An.

2. Bị đơn:

2.1. Bà Lê Thị S, sinh năm 1958; Địa chỉ: Số 140/3, ấp BL II, xã BT,  
huyện TT, tỉnh Long An, có mặt.

2.2. Bà Lê Thị C, sinh năm 1951; Địa chỉ: Ấp BL II, xã BT, huyện TT,  
tỉnh Long An, có mặt.

Người đại diện theo ủy quyền của bà S và bà C: Ông Trần Văn C, sinh năm  
1967, có mặt.

Địa chỉ: Số 84 LHN, Phường P4, thành phố TA, tỉnh Long An.

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

3.1. Bà Lê Thị Như Ph, sinh năm 1943 (Chết năm 2013)

Địa chỉ: Ấp A2, thị trấn TT, huyện TT, tỉnh Long An.

Người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng của bà Phụng:

3.1.1. Bà Lâm Thị Thủy T1, sinh năm 1965, có mặt;

Địa chỉ: Ấp BP, xã BT, huyện TT, tỉnh Long An.

3.1.2. Bà Lâm Thị Dung Nh, sinh năm 1967, có mặt;

Địa chỉ: Ấp BC I, xã BT, huyện TT, tỉnh Long An

3.1.3. Bà Lâm Thị Lăng Ng, sinh năm 1971, có mặt;

Địa chỉ: Xã Mỹ Bình, huyện Tân Trụ, tỉnh Long An;

3.1.4. Bà Lâm Thị Như T2, sinh năm 1972, vắng mặt;

Địa chỉ: Số 207/3 ấp BL II, xã BT, huyện TT, tỉnh Long An

3.1.5. Ông Trương Ngọc Hoài Th, sinh năm 1983, vắng mặt;

Địa chỉ: 36/31B NTH, Phường P6, thành phố TA, tỉnh Long An.

3.1.6. Ông Trương Ngọc C1, sinh năm 1950; (đã chết ngày 02/3/2020)

Người kế thừa quyền, nghĩa vụ tố tụng của ông Trương Ngọc C1:

3.1.6.1. Ông Trương Ngọc Hoài T3, sinh năm 1980, vắng mặt;

Địa chỉ: 14/4 Khu phố 11, thị trấn TT, huyện TT, tỉnh Long An.

3.1.6.2. Ông Trương Ngọc Hoài M1, sinh năm 1983, vắng mặt;

3.1.6.3. Ông Trương Ngọc Hoài Th, sinh năm 1983, vắng mặt;

Địa chỉ: 36/31B NTH, Phường P6, thành phố TA, tỉnh Long An.

3.1.7. Bà Lâm Thị Bình M, sinh năm 1968, có mặt;

3.1.8. Ông Phùng Văn Thân, sinh năm 1960, vắng mặt;

Cùng địa chỉ: Số 207/3 ấp BL II, xã BT, huyện TT, tỉnh Long An

Người đại diện theo ủy quyền của bà Th3 T1, bà Dung Nh, bà Như T2, bà Ng, Ông Th: Bà Lâm Thị Bình M, sinh năm 1968. Địa chỉ: Số 207/3 ấp BL II, xã BT, huyện TT, tỉnh Long An. Theo các giấy ủy quyền ngày 17/6/2014, 18/6/2014, 11/10/2018;

3.2. Bà Lê Thị H, sinh năm 1947; Địa chỉ: Số 240/1, ấp BC 1, xã BT, huyện TT, tỉnh Long An, xin xét xử vắng mặt.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Huỳnh Lê Trung H1, sinh năm 1974. Địa chỉ: Số 115, Lô L Chung NGT, Phường P2, Quận X10, thành phố Hồ Chí Minh. (có mặt)

3.3. Bà Lê Thị Ch sinh năm 1953, vắng mặt;

Địa chỉ: USA.

3.4. Ông Lê Văn Th2, sinh năm 1959, vắng mặt;

Địa chỉ: USD Hoa kỳ.

Người đại diện theo ủy quyền: Bà Lê Thị Ngọc Y, sinh năm 1957, vắng mặt;

Địa chỉ: Số 376, VV, Phường P8, Quận X10, thành phố Hồ Chí Minh.

3.5. Ông Lê Từ V, sinh năm 1961, vắng mặt;

Người đại diện hợp pháp cho ông V: Bà Lê Thị S, sinh năm 1958; (có mặt)

Địa chỉ: Số 140/3, ấp BL II, xã BT, huyện TT, Long An.

3.6. Bà Bà Trần Bích Th3, sinh năm 1969, vắng mặt;

Địa chỉ: Đức

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Đặng Hữu Tr, sinh năm 1974, vắng mặt, có đơn xin xét xử vắng mặt;

Địa chỉ: Số 480/43, đường LLQ, Phường P5, Quận X11, Thành phố Hồ Chí Minh. Giấy ủy quyền chứng thực ngày 02/9/2014.

3.7. Ông Nguyễn Hữu Th4, sinh năm 1924; (đã chết 20/10/2017)

3.7.1. Nguyễn Thị H, sinh năm 1950, vắng mặt;

Địa chỉ: 70 BC, phường P3, quận X3, Thành phố Hồ Chí Minh.

3.7.2. Nguyễn Hữu L, sinh năm 1952, vắng mặt;

Địa chỉ: 81 K1 Ô2 PVT, thị trấn TT, huyện TT, tỉnh Long An.

3.7.3. Nguyễn Thị Kim Q, sinh năm 1957, vắng mặt;

Địa chỉ: Cư xá KT, Quận X7, Thành phố Hồ Chí Minh.

3.7.4. Nguyễn Thị Kim Ph, sinh năm 1957 (đã chết)

3.7.5. Nguyễn Hữu Thanh D, sinh năm 1960, vắng mặt;

3.7.6. Nguyễn Thị Thanh Th, sinh năm 1962, vắng mặt;

Địa chỉ: 81 K1 Ô2 PVT, thị trấn TT, huyện TT, tỉnh Long An.

3.7.7. Nguyễn Thị Thanh Th, sinh năm 1965, vắng mặt;

Địa chỉ: Phường P27, quận BT, Thành phố Hồ Chí Minh.

3.8. Ông Nguyễn Văn Ch, sinh năm 1964, vắng mặt;

3.9. Bà Nguyễn Thị M2, sinh năm 1963, vắng mặt;

Cùng địa chỉ: Ấp BL II, xã BT, huyện TT, tỉnh Long An.

3.10. Ngân hàng Y.

Địa chỉ: Số 77 THĐ, quận HK, thành phố Hà Nội;

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Lê Hữu Th, chuyên viên quan hệ khách hàng cá nhân, có mặt.

Địa chỉ: 135-137 HV, Phường P2, thành phố TA, tỉnh Long An. Văn bản ủy quyền số 314/UQ-TGD ngày 03/11/2016.

3.11. Ủy ban nhân dân huyện TT, xin xét xử vắng mặt.

3.12. Chi cục Thi hành án dân sự huyện TT, tỉnh Long An, vắng mặt.

4. Người kháng cáo: nguyên đơn ông Lê Văn X và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Lê Thị H.

### **NỘI DUNG VỤ ÁN**

*Nguyên đơn ông Lê Văn X trình bày trong đơn khởi kiện; trong quá trình tố tụng cũng như trong đơn thay đổi yêu cầu khởi kiện ngày 17/8/2018 như sau:*

Cha ông là cụ Lê Văn H2 mẹ ông là cụ Nguyễn Thị Th5 (bị đơn trong vụ án) có mười người con: Ông Lê Văn X, bà Lê Thị Như Ph (đã chết), bà Lê Thị C, bà Lê Thị Ch, ông Lê Văn Th2, ông Lê Từ V, bà Lê Thị S, bà Lê Thị H, ông Lê Quang L (đã chết), ông Lê Văn Đ (đã chết). Năm 1999 cụ H2 chết để lại khối tài sản bao gồm nhà và đất với tổng diện tích là 44.657m<sup>2</sup> – theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất do Ủy ban nhân dân huyện TT cấp ngày 13/9/1995. Trong số diện tích đất để lại có 3.112m<sup>2</sup> đất thổ trên có căn nhà tại số 140/3/ ấp BL, xã BT. Cụ H2 mất đột ngột năm 1999, toàn bộ tài sản nhà và đất trên do cụ Th5 quản lý sử dụng. Năm 2014 cụ Th5 mất. Ông được biết cha mất không để lại di chúc nhưng sau đó nghe mẹ ông đã làm thủ tục chuyển nhượng quyền sử dụng đất cho vài người em của ông. Khi ông khiếu nại ra chính quyền các em ông xuất trình bản di chúc nhưng ông thấy chữ ký và chữ viết không phải của cha ông. Trong các anh em có người em tên Lê Từ V hiện mắc bệnh tâm thần nên quyền sử dụng đất để lại ông V phải được một phần không phụ thuộc vào di chúc. Trường hợp di chúc không phải của cha ông, ông yêu cầu hưởng thừa kế theo pháp luật.

Căn cứ vào kết luận giám định số 537/2010/KLGD của Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Long An chữ viết cho là của cụ H2 là do bà Lê Thị C viết. Di chúc của cụ H2 là giả mạo theo đó việc cụ Th5 hợp đồng giao quyền sử dụng đất cho bà S và bà C cũng bị vô hiệu. Đề nghị hủy các giao dịch của bà C và bà S cho người khác nếu có.

Ông X yêu cầu Tòa án chia thừa kế các tài sản sau: Thừa 148 (thừa cũ 1295), 149 (thừa cũ 1153), 117 (thừa cũ 1152), tờ bản đồ số 7 (số 1 cũ) do bà Th5 đứng tên có diện tích 5.077,7m<sup>2</sup>; Thừa 66 có diện tích 90,7m<sup>2</sup>; thừa 88 (thừa cũ 1032) diện tích 3.177,7m<sup>2</sup> do bà C đứng tên; Thừa 118 (thừa cũ 1152) diện tích 4.167,2m<sup>2</sup> do bà S đứng tên.

Đối với thừa 47 (thừa cũ 521) có diện tích 3.107,6m<sup>2</sup> – diện tích 51,7m<sup>2</sup> cụ H2 cho bà Lâm Thị Bình M còn lại 3.055,9m<sup>2</sup> bà S đứng tên thế chấp vay tiền ở Ngân hàng là không hợp pháp.

Đối với thửa 65 (thửa cũ 1032) do ông Nguyễn Hữu Th4 đang quản lý cụ Th5 chuyển nhượng cho ông Th4 đã lấy đủ tiền rồi nên không tranh chấp phần đất này.

Đối với phần đất bà Lâm Thị Bình M được cụ H2 cho nhưng nằm trong thửa 47 thì ông yêu cầu tách ra cho bà M, không tính vào diện tích đất đang tranh chấp.

Đối với các động sản khác do cha chết để lại nếu không còn thì ông không yêu cầu Tòa án giải quyết để việc giải quyết vụ án được nhanh chóng. Ông X yêu cầu được chia kỹ phần của mình trong di sản do cụ H2 để lại nếu không có di chúc.

Trong đơn thay đổi yêu cầu khởi kiện ngày 17/8/2018 ông Lê Văn X khởi kiện bà C và bà S yêu cầu:

Hủy di chúc của ông Lê Văn H2 ngày 01/5/1999.

Hủy hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất giữa bà Lê Thị Th5 với bà Lê Thị C lập ngày 29/6/2006 đối với phần đất diện tích 3.246m<sup>2</sup>, thuộc thửa 88, tờ bản đồ số 7 tọa lạc tại ấp BL II, xã BT, huyện TT; Hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AG ngày 719972 do Ủy ban nhân dân huyện TT cấp ngày 29/8/2006 cho bà Lê Thị C

Hủy hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất giữa bà Nguyễn Thị Th5 với bà Lê Thị S ngày 29/6/2006 đối với phần đất diện tích 6.905m<sup>2</sup>, yêu cầu hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đã cấp cho bà Lê Thị S đối với thửa đất số 47, diện tích 2.841m<sup>2</sup>

Hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cấp cho bà Lê Thị C diện tích 4.064m<sup>2</sup> thuộc thửa 118, tờ bản đồ số 7 theo nội dung điều chỉnh của Phòng Tài nguyên và Môi trường huyện TT ngày 26/3/2009 tọa lạc tại ấp BL II, xã BT, huyện TT.

Yêu cầu hủy di chúc của bà Nguyễn Thị Th5 lập ngày 24/6/2010 đối với các thửa đất số 1153, 1295, 521, tờ bản đồ số 01 diện tích 3.708m<sup>2</sup>, tọa lạc tại ấp BL II, xã BT, huyện TT.

Ông X yêu cầu chia theo pháp luật di sản cho cụ Lê Văn H2 và bà Nguyễn Thị Th5 để lại theo pháp luật các thửa đất 47, 148, 149, 117, 118, 88, 66 tổng diện tích 15.569,2m<sup>2</sup>. Đối với 500m<sup>2</sup> đất đã chuyển nhượng cho ông Nguyễn Hữu Th4 không tranh chấp.

Đối với các thửa đất 148, 149, 118, 117 ông Ch đang quản lý sử dụng theo hợp đồng thuê đất giữa bà Th5, bà S với ông Ch, bà M2 ngày 05/5/2005 ông và các đồng thừa kế trả tiền (vàng) để nhận lại đất.

*Bị đơn bà Lê Thị S trình bày:* Bà là con ruột của cụ H2 và cụ Th5. Bà thừa nhận khi còn sống cha bà có đứng tên quyền sử dụng đất diện tích đất thửa 47 diện tích 2.841m<sup>2</sup> loại đất thổ, hiện đang thế chấp ở Ngân hàng. Diện tích 3.708m<sup>2</sup> đất theo di chúc do cụ Th5 để lại chưa được cấp quyền sử dụng đất, hiện ông Ch đang thuê.

Trước khi cha là cụ H2 mất có làm di chúc giao toàn bộ quyền sử dụng đất cho mẹ là cụ Th5 quản lý sử dụng nhưng bản chính di chúc đã thất lạc (BL 227). Bà S xác định toàn bộ quyền sử dụng đất nói trên là tài sản của cụ Th5. Bản thân bà không yêu cầu chia tài sản nói trên (BL229).

*Người đại diện theo ủy quyền cho bà S ông Trần Văn C trình bày:* Bà S được mẹ là Nguyễn Thị Th5 tặng cho thửa đất số 47, tờ bản đồ số 1 diện tích 2.841m<sup>2</sup>, loại đất thổ cư tại xã BT, TT. Bà S là người trực tiếp quản lý sử dụng và được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Hiện nay bà S đã đem giấy quyền sử dụng đất thế chấp vay tiền tại Ngân hàng TMCP Sài Gòn – Hà Nội (SHB) chi nhánh Long An. Đối với các thửa 1153 (117), 1295 (148), 521 (47), tờ bản đồ số 1 bà S được hưởng theo di chúc của cụ Th5. Bà S đứng tên quyền sử dụng đất đang quản lý sử dụng.

*Bị đơn bà Lê Thị C trình bày* bà đang đứng tên quyền sử dụng đất thửa 88 diện tích 3.246m<sup>2</sup> loại đất lúa do bà Th5 tặng cho. Thửa 118 diện tích 4.064m<sup>2</sup> nhận chuyển nhượng từ bà S giá 240.000.000đ, hiện do ông Ch canh tác. Nếu hủy hợp đồng chuyển nhượng giữa bà S và bà, bà sẽ tranh chấp giải quyết hậu quả bằng vụ án khác.

*Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Lê Văn Th2 thông qua người đại diện:* yêu cầu chia di sản của cụ H2 và cụ Th5 ra làm 7 phần. Ông Th1 xin nhận thửa đất 47 cùng toàn bộ tài sản trên đất, ông sẽ thôi hoàn giá trị chênh lệch cho các đồng thừa kế. Đối với các thửa đất 148, 149, 118, 117 ông Ch đang quản lý sử dụng theo hợp đồng thuê đất giữa bà Th5, bà S với ông Ch, bà M2 ngày 05/5/2005 ông và các đồng thừa kế trả tiền, vàng để nhận lại đất.

Tại đơn thay đổi yêu cầu khởi kiện ngày 17/8/2018 ông Th1 yêu cầu chia di sản cụ H2 và cụ Th5 theo quy định của pháp luật đối với các thửa đất 47, 148, 149, 117, 118, 88, 66 tổng diện tích 15.569,2m<sup>2</sup>. Phần đất đã chuyển nhượng cho ông Nguyễn Hữu Th4 không tranh chấp.

*Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Lê Thị Như Ph trong đơn xin hưởng thừa kế ngày 27/02/2009* xin được tiếp tục sử dụng diện tích đất thổ 100m<sup>2</sup> do mẹ là cụ Th5 cho hơn 10 năm nhưng chưa được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Diện tích đất này bà cho con gái là Lâm Thị Bình M cất nhà ở cùng em bị tật nguyên là Lâm Thị Như T2. Đồng thời bà xin được hưởng thừa kế theo quy định của pháp luật.

*Sau khi bà Phượng chết, những người thừa kế quyền và nghĩa vụ tố tụng của bà Lê Thị Như Ph do bà Lâm Thị Bình M đại diện* thống nhất với lời trình bày của ông X. Trước đây bà được cụ H2 cho một phần đất của thửa 47 nhưng chưa được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Sau đó cụ Nguyễn Thị Th5 đứng tên quyền sử dụng đất theo diện thừa kế đã chuyển nhượng lại cho bà Lê Thị S. Tiếp đó bà S đem thế chấp quyền sử dụng đất thửa 47 tại ngân hàng Y. Theo trích đo bản đồ địa chính ngày 18/6/2010 do Công ty nhà đất Hưng Phú đo vẽ và được Phòng Tài nguyên Môi trường huyện TT duyệt ngày 02/7/2010 thì nhà của bà nằm tại vị trí số 3. Tuy nhiên, diện tích đất thì lớn hơn so với diện tích nhà được vẽ trên trích đo. Bà Bình M yêu cầu được hưởng kỷ phần của bà

Phượng trong di sản do ông ngoại để lại. Đối với các thửa đất 148, 149, 118, 117 ông Ch đang quản lý sử dụng theo hợp đồng thuê đất giữa bà Th5, bà S với ông Ch, bà M2 ngày 05/5/2005 ông và các đồng thừa kế trả tiền, vàng để nhận lại đất.

Trong đơn thay đổi yêu cầu khởi kiện ngày 17/8/2018 bà Lâm Thị Bình M đại diện những người kế thừa quyền nghĩa vụ tố tụng của bà Như Ph kiện bà Lê Thị S và Lê Thị C chia di sản thừa kế của cụ H2 và cụ Th5 để lại theo pháp luật các thửa đất 47, 148, 149, 117, 118, 88 và 66 tổng diện tích 15.569,2m<sup>2</sup>. Đối với diện tích đất đã chuyển nhượng cho ông Nguyễn Hữu Th4 không tranh chấp.

*Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Ngân hàng Y trình bày tại đơn khởi kiện ngày 15/3/2013*

Ngày 04/10/2011 Ngân hàng TMCP nhà HN chi nhánh Long An – Nay là Ngân hàng TMCP Sài Gòn – Hà nội, chi nhánh Long An và bà S ký hợp đồng tín dụng ngắn hạn số 1110LA-001/HĐTD-NH/2011 và các phụ lục hợp đồng tín dụng nội dung cho bà S vay số tiền 700.000.000đ, thời hạn 12 tháng, lãi suất 22%/tháng. Tài sản bảo đảm cho hợp đồng tín dụng này là quyền sử dụng đất thửa 47, tờ bản đồ số 01, diện tích 2.841m<sup>2</sup> tại xã BT - theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AG 719920 do Ủy ban nhân dân huyện TT cấp ngày 22/8/2006 cho bà Lê Thị S. Hợp đồng thế chấp số 1110LA-001/HĐTC ngày 04/10/2011 do phòng Công chứng số 1, tỉnh Long An chứng thực. Tài sản đăng ký thế chấp đã được đăng ký thế chấp tại Phòng Tài nguyên và Môi trường huyện TT ngày 04/10/2011. Sau khi vay bà S chỉ trả lãi được 35.281.600đ (ngày 04/10/2011 – ngày 23/12/2011) sau đó không trả lãi nữa.

Nay Ngân hàng yêu cầu bà Lê Thị S thanh toán khoản nợ cho ngân hàng cả nợ gốc lẫn lãi tính đến ngày 10/10/2018 là 1.925.981.289 đồng thời yêu cầu phát mãi tài sản thế chấp đối với thửa 47 do bà S đứng tên để trả nợ.

*Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Nguyễn Hữu Th4 cho biết ông có chuyển nhượng của cụ Th5 diện tích đất ruộng 500m<sup>2</sup> với giá 2 lượng vàng 24k. Theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất được Ủy ban nhân dân huyện TT cấp số T 334477 cấp ngày 29/05/2001 thuộc thửa 2988, tờ bản đồ số 01. Sau khi chuyển nhượng người nhà chết chôn trên đất này. Ông yêu cầu được giữ nguyên diện tích đất đã chuyển nhượng. Khi chuyển nhượng thì cụ H2 đã chết, vợ ông cũng đã không còn. Ông yêu cầu giải quyết vắng mặt ông vì tuổi cao, sức yếu (BL 205, 652).*

*Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Lê Thị Ch trình bày tại văn bản ngày 20/4/2012: cha bà qua đời có để lại nhà đất theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất tổng diện tích 44.657m<sup>2</sup>, trong đó có 3.112m<sup>2</sup> đất thổ trên có căn nhà tại ấp BL II, xã BT. Bà xin từ chối hưởng phần thừa kế theo pháp luật phần được hưởng.*

*Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Lê Thị H yêu cầu xin được chia di sản của cha là cụ Lê Văn H2 để lại và có đơn xin xem xét miễn nộp tạm ứng án phí ngày 11/9/2017.*

Ông Huỳnh Lê Trung H1 đại diện bổ sung: Bà H yêu cầu chia di sản của cụ H2 và cụ Th5 ra làm 7 phần. Bà H xin nhận thừa đất 47 cùng toàn bộ tài sản trên đất, bà sẽ thôi hoàn giá trị chênh lệch cho các đồng thừa kế. Đối với các thửa đất 148, 149, 118, 117 ông Ch đang quản lý sử dụng theo hợp đồng thuê đất giữa bà Th5, bà S với ông Ch, bà M2 ngày 05/5/2005 ông và các đồng thừa kế trả tiền, vàng để nhận lại đất.

*Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Nguyễn Văn Ch và bà Nguyễn Thị M2 thống nhất trình bày:* Ngày 05/5/2005 vợ chồng ông bà có thỏa thuận “thực ruộng” (thuê) với bà Nguyễn Thị Th5 và bà Lê Thị S. Theo hợp đồng bên bà Th5 và bà S sẽ giao cho vợ chồng ông các thửa đất 148 diện tích 2.014m<sup>2</sup>; thửa 149 diện tích 628m<sup>2</sup>; thửa đất 118 diện tích 4.064m<sup>2</sup>; thửa 117 diện tích 2.619m<sup>2</sup> sử dụng canh tác lúa trong thời hạn 02 năm. Bên vợ chồng ông Ch giao cho bên bà Th5 50.000.000đ và 04 chỉ vàng 24kr. Khi hết hạn hai bên sẽ hoàn trả cho nhau những gì đã nhận. Mặc dù thời hạn đã hết nhưng do bên bà Th5 không trả tiền nên vợ chồng ông vẫn còn canh tác các thửa đất trên. Nay các con bà Th5 tranh chấp thừa kế, ông yêu cầu ai sử dụng đất thì trả tiền lại cho vợ chồng ông, ông sẽ trả lại đất tuy nhiên ông không tranh chấp hợp đồng thuê đất trong vụ án này.

Trong bản tường trình gửi cho Tòa án ông Ch xác định ông có chứng kiến việc cụ H2 lập di chúc định đoạt tài sản cho cụ Th5. Ngoài ông ra, còn có cụ Nguyễn Hữu Hi, em vợ cụ H2 - nay đã chết. Bà Lê Thị C là người viết, ông là người xác nhận vào di chúc này với tư cách Trưởng ấp. Ông là Trưởng ấp từ trước năm 1999 đến nay nên được mời đến chứng kiến sự việc.

*Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Bà Trần Bích Th3 do ông Đặng Hữu Tr đại diện theo ủy quyền cho biết:* Theo bản án số 51/2010/DSST ngày 09/7/2010 của Tòa án nhân dân huyện TT bà C có nghĩa vụ trả cho bà Th3 số tiền 270.000.000đ và tiền lãi chậm thi hành án nhưng đến nay chưa thi hành án. Sau đó bà C kháng cáo nhưng không đến tòa nên Tòa án nhân dân tỉnh Long An ra Quyết định đình chỉ giải quyết phúc thẩm vụ án số 29/2010/QĐ-PT ngày 25/11/2010. Bà Th3 yêu cầu bà C phải trả số tiền trên cho bà sau khi xác định kỷ phần của bà C.

*Cụ Nguyễn Thị Th5 trình bày lúc còn sống:* Cụ là vợ của cụ ông Lê Văn H2. Khi còn sống cụ H2 có đứng tên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số A 705705 do Ủy ban nhân dân huyện TT cấp ngày 13/9/1995 diện tích 44.657m<sup>2</sup>. Ngày 01/5/1999 khi lâm bệnh cụ H2 có làm di chúc để lại cho cụ Th5 thừa hưởng toàn bộ diện tích đất trên có sự chứng kiến của ông Nguyễn Hữu Hi và ông Nguyễn Văn Ch là chủ ấp xác nhận. Ngày 12/6/1999 cụ H2 chết. Ngày 25/8/2000 cụ Th5 làm thủ tục chuyển quyền sử dụng đất để đứng tên toàn bộ quyền sử dụng đất nói trên. Sau khi được đứng tên cụ đã chuyển nhượng một số đất cho các con, hiện chỉ còn lại 3.708m<sup>2</sup> đất lúa. Từ khi đứng tên quyền sử dụng đất đến khi ông X kiện không ai tranh chấp. Cụ Th5 không đồng ý yêu cầu chia thừa kế của ông X.



*Tại Bản án dân sự sơ thẩm số: 55/2018/DS-ST ngày 22 tháng 10 năm 2018 của Tòa án nhân dân tỉnh Long An đã quyết định như sau:*

Áp dụng các Điều 226, Điều 35, Điều 34, Điều 227 Bộ luật tố tụng Dân sự 2015; Điều 50, Điều 105 Luật Đất đai năm 2003; Các điều 628, Điều 630 và Điều 634 Bộ luật dân sự 2015; Điều 147, Điều 157, Điều 165 Bộ luật tố tụng dân sự 2015;

*Tuyên xử:*

1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của ông Lê Văn X đối với bà Lê Thị S, bà Lê Thị C về việc “hủy di chúc; hủy hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất; hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất”.

1.1. Hủy “Tờ di chúc” lập ngày 01/5/1999 của cụ Lê Văn H2 giao trọn quyền sử dụng đất, nhà cửa do cụ H2 đứng tên cho cụ Nguyễn Thị Th5.

1.2. Giữ nguyên “Di chúc” lập ngày 24/6/2010 của cụ Nguyễn Thị Th5 đối với các thửa đất số 1153, 1295, 521, tờ bản đồ số 01 diện tích 3.708m<sup>2</sup>, tọa lạc tại ấp BL II, xã BT, huyện TT.

1.3. Bác yêu cầu của ông X về việc hủy hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất giữa bà Lê Thị Th5 với bà Lê Thị C lập ngày 29/6/2006 đối với phần đất diện tích 3.246m<sup>2</sup>, thuộc thửa 1032 (cũ) thửa 88 mới, tờ bản đồ số 7 tọa lạc tại ấp BL II, xã BT, huyện TT và yêu cầu hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AG 719972 do Ủy ban nhân dân huyện TT cấp ngày 29/8/2006 cho bà Lê Thị C.

Giữ nguyên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AG 719972 do Ủy ban nhân dân huyện TT cấp ngày 29/8/2006 cho bà Lê Thị C.

1.4. Bác yêu cầu của ông X về việc hủy hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất giữa bà Nguyễn Thị Th5 với bà Lê Thị S ngày 29/6/2006 đối với phần đất diện tích 6.905m<sup>2</sup>, gồm các thửa 521, 1152 (cũ), 47 và 118 và yêu cầu hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AG 719920 đã cấp cho bà Lê Thị S đối với thửa đất số 47, diện tích 2.841m<sup>2</sup>.

1.5. Bác yêu cầu của ông X về việc hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cấp cho bà Lê Thị S diện tích 4.064m<sup>2</sup> thuộc thửa 118, tờ bản đồ số 7 tọa lạc tại ấp BL II, xã BT, huyện TT cấp Ủy ban nhân dân huyện TT cấp ngày 22/8/2006 cho bà Lê Thị S.

2. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của ông Lê Văn X, bà Lê Thị H, bà Lê Thị Như Ph, ông Lê Văn Th2 đối với bà Lê Thị S, bà Lê Thị C về việc yêu cầu “chia thừa kế”.

2.1. Buộc bà Lê Thị S chia cho ông Lê Văn X, bà Lê Thị H, ông Lê Văn Th2, bà Lê Thị Như Ph (do bà Bình M đại diện các thừa kế của bà Phượng nhận) mỗi người 124.557.281đ.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án phải

chịu thêm khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành theo mức lãi suất do ngân hàng nhà nước qui định tương ứng với thời gian chưa thi hành theo khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự 2015.

2.2. Bà Lê Thị S được sử dụng phần đất gồm các thửa 521 (cũ) 47 (mới), tờ bản đồ số 1 và căn nhà trên thửa 47, diện tích thực tế còn lại sau khi trừ căn nhà của bà Bình M ra; thửa 1295 (mpt-cũ), 148 (mới), diện tích thực tế 1.888,7m<sup>2</sup>; thửa 1295 (mpt- cũ), 149 (mới), diện tích thực tế 637,4m<sup>2</sup>; 1153 (cũ), 117 (mới), diện tích thực tế 2.551,6m<sup>2</sup> cùng tờ bản đồ số 1 (cũ) - 7 (mới).

2.3. Bà Lê Thị C được sử dụng các thửa đất 1032 (mpt-cũ), 88 (mới) diện tích thực tế 3.177,7m<sup>2</sup> ; thửa 1032 (mpt-cũ) , 66 (mới) diện tích thực tế 90,7m<sup>2</sup>; thửa 1152 (cũ), 118 (mới), diện tích thực tế 4.167,2m<sup>2</sup> cùng tờ bản đồ số 1 (cũ) - 7 (mới)

Bà Lê Thị S và bà Lê Thị C được quyền kê khai, điều chỉnh, đăng ký quyền sử dụng đất theo Điều 169, 170 Luật đất đai 2013.

Ông Nguyễn Hữu Th4 được quyền kê khai đăng ký quyền sử dụng đất phần đất thuộc một phần thửa 1032 (cũ) 65 (mới), loại đất LUC, diện tích thực tế 544,6m<sup>2</sup>.

Bà Nguyễn Thị Bình M được quyền kê khai, đăng ký diện tích đất trên có căn nhà.

3. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng TMCP Sài gòn – Hà Nội đối với bà Lê Thị S về việc “Tranh chấp hợp đồng vay”.

3.1. Buộc bà Lê Thị S trả cho Ngân hàng TMCP Sài gòn – Hà nội 700.000.000đ vốn vay và lãi tính đến ngày 10/10/2018 là 1.225.981.289đ. Vốn lãi là 1.925.981.289đ. (Một tỉ chín trăm hai mươi lăm triệu, chín trăm tám mươi mốt ngàn, hai trăm tám mươi chín đồng).

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án phải chịu thêm khoản tiền lãi theo mức lãi suất hợp đồng tín dụng số 1110LA-001/HĐTD-NH/2011 ngày 04/10/2011.

3.2. Vô hiệu một phần Hợp đồng thế chấp số 1110LA-001/HĐTC ngày 04/10/2011 do phòng Công chứng số 1, tỉnh Long An chứng thực.

Quyền sử dụng đất được đảm bảo thi hành án cho khoản tiền vay còn lại là diện tích đất 1.616,6m<sup>2</sup> (vị trí A) tại một phần thửa 47, tờ bản đồ số 1, tại BT, TT, Long An - bà Lê Thị S được Ủy ban nhân dân huyện TT cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AG 719920 ngày 22/8/2006 - Theo Trích đo bản đồ địa chính khu đất ngày 11/10/2018 của Công ty TNHH đo đạc Nhà đất Hưng Phú.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn quyết định về chi phí tố tụng khác, án phí và quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Ngày 05/11/2018, ông Lê Văn X và bà Lê Thị H kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm của Tòa án nhân dân tỉnh Long An.

### **Tại phiên tòa phúc thẩm**

Người kháng cáo giữ nguyên yêu cầu kháng cáo và trình bày: Đề nghị Hội đồng xét xử cấp phúc thẩm xử chấp nhận yêu cầu kháng cáo của mình và sửa bản án sơ thẩm theo hướng chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ông Lê Văn X. Trường hợp Tòa án cấp phúc thẩm không chấp nhận nội dung yêu cầu kháng cáo thì đề nghị Hội đồng xét xử không áp dụng việc tính giá trị tài sản tranh chấp theo kết quả định giá tại Tòa án cấp sơ thẩm, do việc áp dụng mức giá theo chứng thư thẩm định giá của Công ty thông tin và thẩm định giá miền Nam ngày 05/8/2010 là không đúng và ảnh hưởng đến quyền và lợi ích hợp pháp của các đương sự.

Bị đơn trình bày: Không đồng ý yêu cầu kháng cáo của người kháng cáo, đề nghị Tòa phúc thẩm giữ nguyên bản án sơ thẩm. Đối với việc yêu cầu định giá lại tài sản tranh chấp phía bị đơn đề nghị giải quyết theo quy định của pháp luật.

Ông Huỳnh Lê Trung H1 và bà Lâm Thị Bình M có đơn gửi đến Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh yêu cầu định giá lại toàn bộ tài sản tranh chấp.

Những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan do bà Lâm Thị Bình M đại diện trình bày: Thống nhất với lời trình bày của nguyên đơn.

Ngân hàng TMCP Sài Gòn – Hà Nội trình bày: Không có ý kiến gì thêm, đề nghị Hội đồng xét xử giải quyết theo quy định của pháp luật.

### **Phần tranh luận**

Người kháng cáo trình bày:

Đề nghị Hội đồng xét xử chia tài sản thừa kế theo hiện vật do những người thừa kế yêu cầu được nhận hiện vật. Trong trường hợp không thể chia theo hiện vật, đề nghị Hội đồng xét xử xem xét tổ chức định giá lại toàn bộ tài sản tranh chấp trong vụ kiện. Bởi vì Tòa án cấp sơ thẩm căn cứ vào kết quả định giá vào năm 2010. Cho đến nay kết quả định giá đã hơn 10 năm gây thiệt hại cho những người thừa kế.

Bị đơn trình bày:

Bảo lưu toàn bộ ý kiến tại tòa án cấp sơ thẩm. Không đồng ý với yêu cầu của nguyên đơn, đề nghị giữ nguyên bản án sơ thẩm của Tòa án nhân dân tỉnh Long An.

**Đại diện Viện kiểm sát nhân dân** cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh nêu quan điểm giải quyết vụ án:

Về thủ tục tố tụng Tòa án cấp sơ thẩm và phúc thẩm đã tiến hành đúng theo qui định của luật tố tụng hiện hành, không làm ảnh hưởng tới quyền và lợi ích hợp pháp của các đương sự.

Xét về nội dung vụ án:

Người kháng cáo có yêu cầu định giá lại toàn bộ tài sản tranh chấp. Bản án sơ thẩm áp dụng mức giá theo chứng thư thẩm định giá của Công ty thông tin và thẩm định giá miền Nam ngày 05/8/2010. Để bảo vệ quyền lợi của các đương sự, xét thấy yêu cầu của đại diện nguyên đơn là có căn cứ. Do đó đề nghị hoãn phiên tòa để cho đương sự nộp chi phí để định giá tài sản.

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, ý kiến phát biểu của Viện kiểm sát, Hội đồng xét xử nhận định,

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

[1] Tại phiên tòa phúc thẩm, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan ông Lê Văn Th2, ông Nguyễn Văn Ch, bà Nguyễn Thị M2, người kế thừa quyền, nghĩa vụ tố tụng của ông Nguyễn Hữu Th4, Chi cục thi hành án dân sự huyện TT đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt không lý do. Do vậy, Hội đồng xét xử căn cứ vào khoản 3 Điều 296 Bộ luật Tố tụng dân sự tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự trên.

[2] Cụ Lê Văn H2 và cụ Nguyễn Thị Th5 có 10 người con: Ông Lê Văn X, bà Lê Thị Như Ph (đã chết), bà Lê Thị C, bà Lê Thị Ch , ông Lê Văn Th2, ông Lê Từ V, bà Lê Thị S, bà Lê Thị H, ông Lê Quang L (đã chết), ông Lê Văn Đ (đã chết). Năm 1999 cụ H2 chết để lại khối tài sản bao gồm nhà và đất với tổng diện tích là 44.657m<sup>2</sup> – theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất do Ủy ban nhân dân huyện TT cấp ngày 13/9/1995. Trong số diện tích đất để lại có 3.112m<sup>2</sup> đất thổ trên có căn nhà tại số 140/3/ ấp BL, xã BT. Cụ H2 mất đột ngột năm 1999, toàn bộ tài sản nhà và đất trên do cụ Th5 quản lý sử dụng. Năm 2014 cụ Th5 mất.

Nguyên đơn ông Lê Văn X khởi kiện yêu cầu chia thừa kế theo pháp luật đối với di sản do cha mẹ để lại với diện tích là 16.165,5 m<sup>2</sup> tại ấp BL II, xã BT, huyện TT, tỉnh Long An.

Bị đơn bà Lê Thị S, bà Lê Thị C cho rằng, cụ H2 có làm di chúc để toàn bộ tài sản cho cụ Th5. Sau đó cụ Th5 đã làm hợp đồng tặng cho bà C và di chúc lại cho bà S. Do đó, bị đơn không đồng ý yêu cầu khởi kiện của ông X

[3] Tòa án cấp sơ thẩm nhận định:

[3.1] Xét “Tờ di chúc” ngày 01/5/1999 thấy:

“Tờ di chúc” ngày 01/5/1999 bà S cung cấp là bản photo có sao y của Phòng công chứng nhà nước số 1 tỉnh Long An – Nay là văn phòng công chứng Phạm Thị Hiên. Theo thừa nhận của bà C “Tờ di chúc” ngày 01/5/1999 do bà Lê Thị C viết theo ý chỉ của cụ H2. Cụ H2 là người ký tên. Cụ Nguyễn Hữu Hi là người làm chứng, ông Nguyễn Văn Ch là Trưởng ấp nên xác nhận ngày 14/5/1999. Ngày 11/8/2000 Ủy ban nhân dân xã BT xác nhận chữ ký của Trưởng ấp.

Bà S trình bày bản chính đã thất lạc nhưng tại phiên tòa sơ thẩm bà S khai do Phòng thuế huyện TT hoặc Phòng Tài nguyên và Môi trường huyện TT lưu giữ nhưng hai cơ quan này đã có văn bản trả lời không lưu giữ bản chính “Tờ di chúc” của cụ H2. Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai huyện TT – nơi lập thủ tục cấp quyền sử dụng đất cho cụ Th5 và bà S, đã cung cấp toàn bộ hồ sơ cấp quyền sử dụng đất nhưng cũng không có bản di chúc kèm theo. Như vậy, xác định không có bản chính “Tờ di chúc” ngày 01/5/1999 của cụ H2.

Căn cứ vào kết luận giám định của Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Long An ngày 05/01/2011 thì chưa đủ cơ sở kết luận chữ viết họ tên Lê Văn H2 và chữ ký trong “Tờ lập di chúc” ghi ngày 01/5/1999 là của cụ Lê Văn H2. Mặt khác, căn cứ vào Điều 657, Điều 659 Bộ luật dân sự 1995 về di chúc có người làm chứng phải có hai người nhưng di chúc này chỉ có cụ Nguyễn Hữu Hi làm chứng, ông Nguyễn Văn Ch xác nhận với tư cách là trưởng ấp nhưng ngày xác nhận là ngày 14/5/1999 cách ngày lập 13 ngày. Ông Ch có tờ tường trình ông có mặt và chứng kiến việc lập di chúc nhưng sau đó ông mới được yêu cầu xác nhận. Dù như thế nào thì vẫn không đảm bảo đúng theo quy định của pháp luật. Việc Ủy ban nhân dân xã xác nhận sau đó ngày 11/8/2000 gần một năm sau cũng chỉ là xác nhận chữ ký của ông Ch nên di chúc cũng không hợp lệ như trường hợp di chúc có chứng thực của Ủy ban. Hơn nữa, việc cụ Th5 là người được thừa hưởng thừa kế theo di lại ký tên vào di chúc nên dù có tìm được bản chính của di chúc thì di chúc của cụ H2 cũng không hợp lệ.

Do đó chấp nhận yêu cầu của ông X, vô hiệu di chúc ngày 01/5/1999 của cụ Lê Văn H2.

[3.2] Cụ Lê Văn H2 mất năm 1999. Do di chúc ngày 01/5/1999 không hợp pháp nên căn cứ Điều 650 Bộ luật dân sự 2015 chia thừa kế theo pháp luật di sản của cụ H2. Hàng thừa kế thứ nhất của cụ H2 gồm có cụ Th5 các con của cụ H2 là ông X, bà H, ông Th1, ông V, bà S, bà C, bà Phượng (bà Chúc không yêu cầu).

Xét toàn bộ quyền sử dụng đất của cụ H2 hiện do bà S và bà C đứng tên và quản lý. Ông X yêu cầu giữ nguyên căn nhà và đất không Chia nhưng các đồng thừa kế không thống nhất, yêu cầu chia theo pháp luật. Quyền sử dụng đất tranh chấp theo Luật hôn nhân gia đình năm 2000 và 2014 là tài sản chung của hai cụ. Phần của cụ Th5 đã lập di chúc định đoạt cho bà S và tặng cho bà C một phần. Mặc dù việc định đoạt của cụ Th5 toàn bộ là tước đi quyền thừa kế của các thừa kế của cụ H2 nhưng bà S được di tặng là ngay tình. Bà S đã dùng một phần tài sản thế chấp vay tiền tại Ngân hàng. Phần bà C chuyển nhượng từ bà S là ngay tình và hợp pháp phần của cụ Th5 và bà C cũng đang có nghĩa vụ phải thi hành án. Ông X là con trai nhưng từ lâu đã ở riêng. Ông Th1 đang định cư ở nước ngoài không đủ điều kiện nhận đất ở Việt Nam. Bà H cũng đã có nơi ở ổn định. Riêng căn nhà thờ do bà S quản lý sử dụng thờ hai cụ H2 và cụ Th5 và để nuôi ông V đang khó khăn về nhận thức đang rất cần chỗ ở. Riêng bà Bình M con của bà Phượng đang cất nhà trên một phần đất thừa 47 thật sự có nhu cầu sử

dụng đất và phần này cũng được hai cụ đồng ý cho, các thừa kế khác cũng không phản đối.

Căn cứ vào hiện trạng đất và nhu cầu thực tế, chấp nhận một phần yêu cầu những người thuộc diện thừa kế có yêu cầu chia thừa kế. Chia mỗi thừa kế một kỷ phần bằng giá trị. Giao toàn bộ quyền sử dụng đất và tài sản cho bà S, buộc bà S có nghĩa vụ thối hoàn giá trị theo kỷ phần cho các thừa kế ông X, bà H, ông Th1, ông V, bà C.

[4] Hội đồng xét xử phúc thẩm xét thấy:

Tòa án cấp sơ thẩm nhận định và quyết định chia thừa kế theo pháp luật đối với di sản của cụ H2, cụ Th5 là không sai. Tuy nhiên, trong quá trình tố tụng các đương sự có yêu cầu chia di sản thừa kế theo hiện vật nhưng không được Tòa án cấp sơ thẩm chấp nhận.

Xét thấy, Tòa án cấp sơ thẩm chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, giao bà S được quyền quản lý sử dụng tài sản và có nghĩa vụ hoàn trả giá trị kỷ phần thừa kế cho các đồng thừa kế còn lại. Giá trị tài sản được xác định theo chứng thư thẩm định giá của công ty thông tin và thẩm định giá miền Nam ngày 05/8/2010. Tuy nhiên chứng thư định giá ngày 05/8/2010 của công ty thông tin và thẩm định giá miền Nam có hiệu lực 6 tháng từ ngày phát hành. Do đó, tại thời điểm xét xử thì chứng thư định giá đã không còn hiệu lực áp dụng. Việc Tòa án cấp sơ thẩm xác định giá trị tài sản tranh chấp theo kết quả định giá trên là không phù hợp, gây ảnh hưởng đến quyền lợi ích hợp pháp của đương sự. Yêu cầu định giá lại tài sản tranh chấp của ông H1, bà M là có căn cứ chấp nhận.

Việc định giá lại tài sản theo yêu cầu của các đương sự có kháng cáo là tình tiết mới về thu thập chứng cứ tại Tòa án cấp phúc thẩm. Việc định giá tài sản khi tiến hành tố tụng tại Tòa án cấp phúc thẩm sẽ ảnh hưởng tới quyền và lợi ích hợp pháp của các đương sự trong quyền kháng cáo. Để đảm bảo nguyên tắc tố tụng về việc đánh giá chứng cứ qua các cấp xét xử, Hội đồng xét xử chấp nhận một phần đề nghị của vị đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại phiên tòa phúc thẩm về việc định giá lại tài sản nhưng phải được tiến hành tại Tòa án cấp sơ thẩm.

Yêu cầu độc lập của Ngân hàng Y liên quan trực tiếp đến tài sản tranh chấp trong vụ án nên việc giải quyết lại toàn bộ vụ án là cần thiết.

Từ những nhận định trên, Hội đồng xét xử chấp nhận một phần kháng cáo của ông Lê Văn X, bà Lê Thị H, hủy bản án sơ thẩm giao hồ sơ về cho Tòa án cấp sơ thẩm tiến hành thẩm định, đo vẽ, định giá lại tài sản tranh chấp theo quy định pháp luật. Bản án sơ thẩm bị hủy không phải do lỗi của Tòa án cấp sơ thẩm mà do phát sinh tình tiết mới tại cấp phúc thẩm.

[5] Án phí dân sự phúc thẩm: Do hủy bản sơ thẩm nên người có kháng cáo không phải chịu.

Vì các lẽ trên,

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ khoản 3 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

I/ Chấp nhận một phần kháng cáo của ông Lê Văn X (nguyên đơn) và bà Lê Thị H (người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan).

Hủy bản án sơ thẩm số 55/2018/DS-ST ngày 22/10/2018 của Tòa án nhân dân tỉnh Long An, chuyển hồ sơ vụ án về cho Tòa án cấp sơ thẩm giải quyết lại vụ án theo quy định pháp luật.

II/ Về án phí:

Ông Lê Văn X, bà Lê Thị H không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

***Nơi nhận:***

- Tòa án nhân dân tối cao (1);
- VKSNDCC tại TP.HCM (1);
- TAND tỉnh Long An (1);
- VKSND tỉnh Long An (1);
- Cục THADS tỉnh Long An (1);
- Các đương sự (25);
- Lưu: hồ sơ (5), 35b (VTPT);

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ  
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Phạm Thị Duyên**